

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 905/2023/HC-PT
Ngày 23 tháng 12 năm 2023
“V/v khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Đặng Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 617/2023/TLPT-HC ngày 30 tháng 8 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2023/HC-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14327/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị Xuân B, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Tú G; địa chỉ: Khôi Y, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

• Người bị kiện:

1. Chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Xuân T, chức vụ: Phó Chủ tịch; có

đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện bà Trần Thị Xuân B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- *Người khởi kiện, bà Trần Thị Xuân B trình bày:*

Gia đình bà có thửa đất nằm giữa số 3 và số E đường N, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; nguồn gốc đất là của bố chồng ông Nguyễn V được UBND phường N, thành phố H giao vào tháng 3/1993 sau đó giao lại cho vợ chồng bà B làm nơi ở và buôn bán kinh doanh. Quá trình quản lý và sử dụng gia đình bà B đã cải tạo, xây dựng nhà cấp 4 trên đất để làm nơi ở và xây ki ốt kinh doanh; không tranh chấp với ai, không bị cơ quan có thẩm quyền hay người có thẩm quyền nào có ý kiến.

Năm 2019 UBND phường N, thành phố H ra thông báo yêu cầu gia đình bà dỡ nhà trên đất để làm con mương; gia đình bà không dỡ thì UBND phường đưa lực lượng, báo chí vào công kích, đe dọa nên bà phải dỡ 01 phần của một ki ốt để cho phường làm mương; còn 01 ki ốt nữa gia đình bà vẫn giữ nguyên nên bị UBND phường N tổ chức lực lượng đến phá ki ốt khi không có bất kì văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền về việc thu hồi đất, không kiểm đếm tài sản, không bồi thường cho gia đình bà. Bà làm đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND phường N ban hành Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 kết luận khiếu nại của bà là không có cơ sở; bà tiếp tục khiếu nại và UBND thành phố H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 298/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 không công nhận khiếu nại của bà và giữ nguyên Quyết định số 188/QĐ-UBND của UBND phường N.

Việc UBND phường N và UBND thành phố H giải quyết khiếu nại của bà là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà vì những lý do: Thửa đất này đã được gia đình bà nộp tiền sử dụng đất; có giấy tờ giao đất của UBND phường nhưng bị thất lạc, ông Bùi Xuân T1 nguyên Chủ tịch phường đã có xác nhận, được thể hiện trong Báo cáo xác minh của UBND phường N. Việc bố chồng bà nộp tiền là có thật và đã được UBND phường giao đất trên thực địa, đất gia đình sử dụng trong thời gian dài, đã xây dựng công trình trên đất, không có tranh chấp với ai, gia đình bà đã làm hợp đồng điện, nước với công ty cung cấp điện, nước. UBND phường N và UBND thành phố H đều cho rằng hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ không thể hiện phần diện tích đất này là của gia đình bà, phần diện tích đất bà đang sử dụng là đất sông, đất mương và cho rằng gia đình bà sử dụng vi phạm pháp luật về đất đai và căn cứ vào bản đồ

371 đo năm 1995 thể hiện phần diện tích bà đang sử dụng thuộc thửa đất số 114, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.932m², sổ mục kê: đất sông thuộc quyền quản lý của Nhà nước để khẳng định phần diện tích gia đình bà đang sử dụng là đất Nhà nước là hoàn toàn không đúng vì thửa đất số 114 có diện tích 3.932m² trong khi đất của gia đình bà chỉ có khoảng 100m², đất ở của những người dân trong khu vực này đều thuộc thửa đất 114, tờ bản đồ số 13 mà hiện nay họ đều đã ở ổn định và đã được cấp GCNQSDĐ. UBND phường N và UBND thành phố H cho rằng không có sổ sách nào phản ánh ông Nguyễn V (bà E) hay bà Trần Thị Xuân B (ông Nguyễn Danh T2) được giao đất nhưng việc ghi chép và lưu giữ sổ sách là chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan có thẩm quyền. Gia đình bà được giao đất, đã nộp tiền sử dụng đất, đã sử dụng đất ổn định từ năm 1993 đến khi bị lấy đất đã khẳng định gia đình bà sử dụng đất hợp pháp. UBND phường N và UBND thành phố H lấy đất, tháo dỡ các công trình trên đất của gia đình bà để làm nương mà không có quyết định thu hồi, không bồi thường và cho rằng gia đình bà lấn chiếm đất công là không đúng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Đất đai 2013 thì việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai phải căn cứ vào văn bản, quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm pháp luật về đất đai nhưng suốt 26 năm gia đình bà quản lý, sử dụng đất không bị cơ quan có thẩm quyền nào nói rằng gia đình bà chiếm đất và không có bất cứ văn bản xử phạt hành vi vi phạm đất đai gì. Gia đình bà xây dựng 02 ki ốt để ở và kinh doanh là xây dựng trên phần diện tích đất gia đình bà được giao năm 1993, không lấn chiếm đất, không vi phạm pháp luật đất đai, không xây dựng công trình vi phạm nhưng để tạo điều kiện cho việc xây dựng nương thoát nước thì gia đình bà đã dỡ một số vật dụng che chắn bên ki ốt, còn 01 ki ốt được xây bằng tường gạch, móng đá, lợp tôn vẫn để đó thì chính quyền đã thuê máy móc, nhân công đến phá nhà của bà. Bà đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ là Giấy xác nhận của ông Bùi Xuân T1 về việc bố chồng bà được UBND phường giao đất và đã nộp tiền sử dụng đất, cung cấp các hợp đồng với công ty Đ1, hợp đồng với Công ty nước để sử dụng dịch vụ trong quá trình sử dụng thửa đất này, việc đóng góp tiền làm vỉa hè, các hợp đồng bà cho các cá nhân thuê ki ốt để kinh doanh từ năm 1993 đến khi bị phá nhà, bản ảnh thể hiện căn nhà là đã có đủ cơ sở để chứng minh gia đình bà sử dụng đất là hợp pháp, ổn định liên tục trước tháng 10/1993 đến thời điểm bị chính quyền đập, tháo dỡ; chứng minh gia đình bà không lấn chiếm đất đai, không vi phạm pháp luật đất đai, không xây dựng công trình trái phép. Khi gia đình bà được giao đất và nhận đất thực địa thì ở phần diện tích đất đó có một dòng chảy nhỏ chứ không có con nương nào như UBND phường N và UBND thành phố H trình bày.

Theo các quy định pháp luật thì gia đình bà có đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ nên nếu thu hồi đất của gia đình bà thì phải bồi thường về đất, các công trình vật

kiến trúc và cây cối trên đất, trường hợp không bồi thường về đất thì phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất, đồng thời phải bồi thường các tài sản trên đất và khi thu hồi đất phải có quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Vì vậy, bà Trần Thị Xuân B khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 188/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Chủ tịch UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 298/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Xác định bà Trần Thị Xuân B là chủ sử dụng thửa đất giữa số 3 và số 5 đường N, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Buộc Chủ tịch UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh và Chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Thị Xuân B bổ sung yêu cầu nếu không được bồi thường về đất thì yêu cầu hỗ trợ công tôn tạo đất, giá trị tài sản trên đất, tiền lát vỉa hè và tiền công di dời các tài sản trên đất.

- *Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố H, do người đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

- + Về nguồn gốc đất, hồ sơ quản lý Nhà nước qua các thời kỳ: Phần đất bà B khiếu nại thuộc địa bàn tổ dân phố A (nay là tổ dân phố A) phường N. Từ trước đến nay đây là mương và hành lang mương của tuyến mương thoát nước chung của thành phố chảy từ địa bàn phường H Tập qua tổ dân phố C, 8, 9 phường N và thông qua công đường N và chảy ra sông C (nay là hệ thống mương thoát nước ADB). Trên bản đồ 299, mảnh đất thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 3, diện tích 7358m², loại đất hồ, thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Trên bản đồ 371 (đo đạc năm 1995), mảnh đất thuộc thửa số 114, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.935,2m², sổ mục kê ghi đất sông thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Trên bản đồ kỹ thuật số (đo đạc năm 2014), mảnh đất này thể hiện là phần đất đã xây dựng mương thoát nước. Sơ đồ quy hoạch vùng chùa P, phường N của UBND phường N ngày 04/5/1993, có xác nhận của Phòng Xây dựng cơ bản – UBND thị xã H xác định công thoát nước chảy nối từ đường N sang và hành lang công mỗi bên rộng 3m. Hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ và sổ thu chi tiền mặt năm 1993 của UBND phường N không có tài liệu nào thể hiện UBND phường N giao đất và thu tiền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn V (vợ là Trần Thị E1) và con trai ông V (là ông Nguyễn Danh T2 và bà Trần Thị Xuân B) và từ năm 1993 đến năm 2019 UBND phường N không thu thuế nhà đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với phần đất này. Mặt khác, bà B cũng không cung cấp được các giấy tờ về quyền sử dụng

đất và giấy nộp tiền sử dụng đất đối với phần đất này. Việc sử dụng mương thoát nước và chiếm đất hành lang mương thoát nước để làm ki ốt kinh doanh của bà B tồn tại nhiều năm nhưng phường N không kiểm tra và xử lý vi phạm.

+ Về quá trình xử lý của UBND phường N về việc chiếm đất công trên địa bàn phường: Năm 2018, thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Tĩnh, Kế hoạch của UBND thành phố, Chỉ thị của BCH Đảng ủy phường N về tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn, UBND phường N ban hành Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 14/11/2018 về việc tổ chức lực lượng tháo dỡ công trình, cây cối, vật kiến trúc lấn chiếm đất công trên địa bàn phường và Quyết định số 183/QĐ-UBND về việc thành lập tổ công tác kiểm tra xác định xây dựng lấn chiếm đất công. Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 29/3/2019 của UBND phường N về kết quả thực hiện Nghị quyết 05-NQ/Đu và đề xuất phương án xử lý lấn chiếm đất công trên tuyến đường N; mương ADB và hộ bà B, tổ dân phố A. Ngày 22/8/2019, UBND thành phố H có văn bản số 1991/UBND-TNMT giao UBND phường N giải tỏa việc lấn chiếm đất công trên tuyến đường N, tuyến mương ADB và ưu tiên giải tỏa phần đất này để thi công mương thoát nước. Ngày 29/8/2019, UBND phường N ban hành Kế hoạch số 67/KH-UBND về việc tổ chức ra quân xử lý lấn chiếm đất công mương ADB (tổ dân phố A) và vỉa hè đường Nguyễn Biểu . Đối với hộ bà B, UBND phường N đã thông báo 3 lần về việc tháo dỡ công trình xây dựng, vật dụng khác lấn chiếm mương ADB và vỉa hè tuyến đường N (Thông báo số 90/TB-UBND ngày 03/9/2019; Thông báo số 95/TB-UBND ngày 19/9/2019 -lần 2, Thông báo số 108/TB-UBND ngày 11/10/2019 - lần 3). Ngày 05/11/2019, hộ gia đình bà B tự tháo dỡ phần công trình xây dựng vi phạm và ngày 08/11/2019, UBND phường N giao tổ dân phố A tổ chức triển khai thi công mương. Tháng 3/2020, UBND thành phố có văn bản số 424/UBND-QLĐT thống nhất để các hộ dân tổ dân phố 1 cải tạo mặt mương, hành lang mương và giao UBND phường N hướng dẫn các hộ thực hiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tiêu thoát nước không làm ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng kỹ thuật, tổ dân phố đã xây mương và lát xi măng toàn bộ bề mặt với diện tích là 128,6m². Ngày 14/01/2022 Chủ tịch UBND thành phố tổ chức đối thoại với người khiếu nại. Từ những hồ sơ, tài liệu về quá trình quản lý Nhà nước về đất đai qua các thời kỳ, UBND thành phố H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 298/QĐ-UBND ngày 28/01/2022, không công nhận nội dung khiếu nại của bà B, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 188/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của Chủ tịch UBND phường N. Giao UBND phường N xem xét hoàn cảnh thực tế của hộ bà B và điều kiện của địa phương, tạo điều kiện hỗ trợ bà B chi phí dời dọn tài sản, giải phóng mặt bằng để tổ dân phố A, phường N làm mương thoát nước.

UBND thành phố H vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ việc, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Xuân B; đề nghị xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Người bị kiện UBND phường N, thành phố H do người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

+ Về quy trình tiếp nhận và xử lý đơn thư của bà B, UBND phường N đã thực hiện đầy đủ đúng quy định.

+ Về nguồn gốc đất: Thống nhất như trình bày của UBND thành phố H.

+ Về việc giải phóng để thi công mương: UBND phường thực hiện theo các văn bản của UBND thành phố, Nghị quyết của Đảng ủy, văn bản của UBND phường và ý kiến của nhân dân tổ dân phố 1 là đúng quy định và đúng như trình bày trên của UBND thành phố.

+ Việc UBND phường N ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà B là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, Chủ tịch UBND phường giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 188/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Xuân B.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2023/HC-ST, ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:*

Căn cứ Điều 3, Điều 30; Điều 32; Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Đất đai 2013; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Xuân B về việc yêu cầu Tòa án:

- Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 188/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Chủ tịch UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 298/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/8/2023, người khởi kiện bà Trần Thị Xuân B có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã

chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị Xuân B làm trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các bên đương sự xét thấy bản án sơ thẩm xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính bác kháng cáo của bà Trần Thị Xuân B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2023/HC-ST ngày 21/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Xuân B là trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên toà vắng mặt người khởi kiện có kháng cáo, vắng mặt đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện và những người bị kiện nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Về đối tượng, thời hiệu, thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Bà Trần Thị Xuân B khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 188/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Chủ tịch UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh và Quyết định giải quyết khiếu nại số 298/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; đây là yêu cầu đối với các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Do đó, bản án sơ thẩm xác định các quyết định này là đối tượng khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định yêu cầu khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là đúng theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

- Đối với yêu cầu xác định bà Trần Thị Xuân B là chủ sử dụng thửa đất giữa số 3 và số 5 đường N, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; buộc Chủ tịch UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh và Chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật bản án sơ thẩm xác định không thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính và xác định yêu cầu trường hợp không được bồi thường về đất thì yêu cầu hỗ trợ công tôn tạo đất, giá trị tài sản trên đất, tiền lát vỉa hè và tiền công di dời các tài sản trên đất, yêu cầu hỗ trợ công tôn tạo đất, giá trị tài sản trên đất, tiền lát vỉa hè và tiền công di dời các tài sản trên đất vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị Xuân B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định bị kiện:

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 188/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Chủ tịch UBND phường N và Quyết định giải quyết khiếu nại số 298/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H được ban hành theo đúng thể thức văn bản, đúng thẩm quyền trình tự giải quyết, theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Đất đai 2013; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

[2.2] Về nội dung các quyết định bị kiện:

[2.2.1] Về nguồn gốc phần diện tích đất gia đình bà B sử dụng bị cưỡng chế, thu hồi:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự và hồ sơ quản lý Nhà nước của UBND thành phố H qua các thời kỳ xác định: Phần diện tích đất bà B khiếu nại thuộc địa bàn tổ dân phố A (nay là tổ dân phố A) phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Đây là phần đất mương và hành lang mương của tuyến mương thoát nước chung của thành phố H chảy từ địa bàn phường H Tập qua tổ dân phố C, 8, 9 phường N và thông qua công đường N và chảy ra sông C (nay là hệ thống mương thoát nước ADB). Trên bản đồ 299, mảnh đất thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 3, diện tích 7358m², loại đất hồ, thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Trên bản đồ 371 (đo đạc năm 1995), mảnh đất thuộc thửa số 114, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.935,2m², sổ mục kê ghi đất sông thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Trên bản đồ kỹ thuật số (đo đạc năm 2014), mảnh đất này thể hiện là phần đất đã xây dựng mương thoát nước. Sơ đồ quy hoạch vùng chùa

P, phường N của UBND phường N ngày 04/5/1993, có xác nhận của Phòng Xây dựng cơ bản – UBND thị xã H xác định cống thoát nước chảy nổi từ đường N sang và hành lang cống mỗi bên rộng 3m.

Bà Trần Thị Xuân B trình bày phần diện tích đất gia đình sử dụng bị thu hồi là đất được UBND phường N giao cho ông Nguyễn V (bố chồng của bà B) vào tháng 3/1993 để sử dụng bán hàng, trình bày gia đình bà đã thực hiện nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách Nhà nước và trình bày có giấy xác nhận của ông Bùi Văn T3, nguyên Chủ tịch UBND phường N nhưng bà không cung cấp được các giấy tờ về quyền sử dụng đất và giấy nộp tiền sử dụng đất đối với phần đất này. Đối với giấy xác nhận của ông Bùi Văn T3 viết năm 2017 không có dấu của UBND phường, thời điểm năm 2017 ông T3 đã nghỉ hưu nên không có căn cứ pháp lý xác định UBND phường N đã cấp đất cho gia đình bà B và tại Biên bản xác minh số 02/BB-XM ngày 08/9/2020, tổ xác minh của UBND phường đã trực tiếp xác minh và ông T3 trình bày năm 1993 ông V có nhu cầu sử dụng đất để bán quán nước tại cống ở đường N, do ông V hoàn cảnh khó khăn lại là người có công với thành phố nên UBND phường cho ông V sử dụng chứ không phải cấp đất hay cho mượn đất, bao giờ Nhà nước xây dựng hay sửa chữa mương nước thì phải tự dời dọn.

Tại hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ và sổ thu chi tiền mặt năm 1993 của UBND phường N, thành phố H không có tài liệu nào thể hiện UBND phường N giao đất và thu tiền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn V (vợ là Trần Thị E1) và con trai ông V (là ông Nguyễn Danh T2 và bà Trần Thị Xuân B).

Như vậy, phần diện tích đất bà B khiếu nại bị giải toả thu hồi không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình bà B mà là đất mương và hành lang mương của tuyến mương thoát nước chung của thành phố H, chảy từ địa bàn phường H Tập qua tổ dân phố C, 8, 9 phường N, thông qua cống đường N và chảy ra sông C (nay là hệ thống mương thoát nước ADB) thuộc địa bàn thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

[2.2.2] Về quá trình UBND phường N xử lý việc lấn chiếm đất công của gia đình bà Trần Thị Xuân B:

Năm 2018, thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Tĩnh, Kế hoạch của UBND thành phố về tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn, Nghị quyết 05-NQ/ĐU ngày 19/10/2018 của BCH Đảng ủy phường N về tăng cường lãnh đạo công tác trật tự đô thị, trật tự xây dựng, UBND phường N ban hành Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 14/11/2018 về việc tổ chức lực lượng tháo dỡ công trình, cây cối, vật kiến trúc lấn chiếm đất công trên địa bàn phường và Quyết định số 183/QĐ-UBND về việc thành lập tổ công tác kiểm tra xác định xây dựng lấn chiếm đất công. Ngày 15/01/2019, UBND phường ban hành Thông báo số 04/TB-UBND về việc phối hợp và cung cấp hồ sơ đất đai của

các hộ gia đình để xác định chỉ giới đường N trả lại đất công cho Nhà nước. Ngày 18/01/2019, UBND phường ban hành Thông báo số 06/TB-UBND về việc phối hợp và cung cấp hồ sơ đất đai của các hộ gia đình để xác định chỉ giới đường tiêu thổ dân phố 10 trả lại đất công cho Nhà nước và ngày 23/01/2019, tổ công tác tiến hành đo đạc phần diện tích lấn chiếm đất công đối với gia đình bà Trần Thị Xuân B. Ngày 29/3/2019 UBND phường N báo cáo UBND thành phố về kết quả thực hiện Nghị quyết 05-NQ/Đu và đề xuất phương án xử lý lấn chiếm đất công trên tuyến đường N; Đường ADB và hộ bà Trần Thị Xuân B, tổ dân phố 10 tại Văn bản số 31/BC-UBND. Ngày 22/8/2019, UBND thành phố H có Văn bản số 1991/UBND-TNMT giao UBND phường N khẩn trương giải tỏa việc lấn chiếm đất công trên tuyến đường N, tuyến đường ADB và ưu tiên giải tỏa phần đất giữa ki ốt 03 – 05 N để thi công đường thoát nước. Ngày 29/8/2019, UBND phường N ban hành Kế hoạch số 67/KH-UBND về việc tổ chức ra quân xử lý lấn chiếm đất công đường ADB (tổ dân phố A) và vỉa hè đường Nguyễn Biểu .

Đối với hộ bà Trần Thị Xuân B, UBND phường N đã thông báo 03 lần về việc tháo dỡ công trình xây dựng, vật dụng khác lấn chiếm đường ADB và vỉa hè tuyến đường N (Thông báo số 90/TB-UBND ngày 03/9/2019; Thông báo số 95/TB-UBND ngày 19/9/2019 – lần 2, Thông báo số 108/TB-UBND ngày 11/10/2019 – lần 3). Ngày 05/11/2019 hộ gia đình bà B tự tháo dỡ phần công trình xây dựng vi phạm và ngày 08/11/2019 UBND phường N giao tổ dân phố A tổ chức triển khai thi công đường. Tháng 3/2020, UBND thành phố H có Văn bản số 424/UBND-QLĐT thống nhất để các hộ dân tổ dân phố 1 cải tạo mặt đường, hành lang đường và giao UBND phường N hướng dẫn các hộ thực hiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tiêu thoát nước không làm ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng kỹ thuật, tổ dân phố đã xây đường và lát xi măng toàn bộ bề mặt với diện tích là 128,6m². Do gia đình bà B không thực hiện đầy đủ việc tháo dỡ phần công trình xây dựng vi phạm nên UBND thành phố H có Văn bản số 1991/UBND-TNMT giao UBND phường N khẩn trương giải tỏa việc lấn chiếm đất công trên tuyến đường N, tuyến đường ADB và ưu tiên giải tỏa phần đất giữa ki ốt 03 – 05 N để thi công đường thoát nước.

Phần diện tích đất gia đình bà B sử dụng bị giải tỏa thu hồi không đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ, không thuộc trường hợp ban hành quyết định thu hồi, bồi thường theo quy định tại các Điều 82, 100, 101, 102 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai nên bà B yêu cầu phải có quyết định thu hồi đất và bồi thường là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2.3] Như vậy, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 188/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Chủ tịch UBND phường N và Quyết định giải quyết khiếu

nại lần hai số 298/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H được ban hành là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền; về nội dung giải quyết khiếu nại đúng pháp luật, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình bà Trần Thị Xuân B. Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Xuân B về việc yêu cầu hủy các quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên là có căn cứ pháp luật.

[3] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị Xuân B; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị Xuân B là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử.

1. Bác toàn bộ kháng cáo người khởi kiện bà Trần Thị Xuân B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2023/HC-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Trần Thị Xuân B.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng